

Số: 07 /NQ-HĐND

Thanh Trị, ngày 28 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025,
huyện Thanh Trị (Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 19 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Quyết định số 3085/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025 cho huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng,

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 17/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trị về kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025, huyện Thanh Trị (Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý);

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 28/3/2025 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trị về việc điều chỉnh, bổ sung dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng;

Xét Tờ trình số 371/TTr-UBND ngày 24/3/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận và thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 trên địa bàn huyện Thanh Trị, cụ thể như sau:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 là: 30.906,200 triệu đồng, được điều chỉnh, bổ sung như sau:

- Điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, như sau:
 - + Điều chỉnh giảm 8.338 triệu đồng kinh phí đối ứng xây dựng trụ sở làm việc, nhà ở doanh trại của Công an xã, thị trấn trên địa bàn huyện.
 - + Bổ sung 8.338 triệu đồng, triển khai thực hiện khởi công mới 03 công trình.

Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách huyện quản lý sau điều chỉnh, bổ sung là 27.570 triệu đồng.

- Nguồn vốn ngân sách huyện đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2025, với số vốn 3.336,200 triệu đồng, trong đó:

- + Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 240 triệu đồng.



+ Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số: 3.096,200 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục 1, 2 đính kèm)

Điều 2.

1. Giao UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật. Quá trình triển khai thực hiện nếu có điều chỉnh, bổ sung, UBND huyện trao đổi thống nhất với Thường trực HĐND huyện và báo cáo HĐND huyện trong kỳ họp gần nhất để điều chỉnh.

2. Thường trực HĐND huyện, các Ban của HĐND, tổ đại biểu và đại biểu HĐND huyện theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 17/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trì về kế hoạch đầu tư công năm 2025, huyện Thanh Trì (Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý).

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trì khóa XII, kỳ họp thứ 19 (chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2025./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh;
- TT. UBND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- TT. UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- TT.HĐND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NC.



CHỦ TỊCH

Sơn Sương





Phụ lục 1

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND, ngày 28 tháng 03 năm 2025 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trì)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 (tăng (+), giảm (-))			Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Tăng	Giảm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP											Tổng số		Trong đó:	
																				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20		
	TỔNG SỐ					7.294	7.294	6.407	6.407	44.128	18.001	8.338	0	8.338	27.570	27.570					
	Cân đối ngân sách địa phương					7.294	7.294	3.407	3.407	12.601	12.601	8.338	0	8.338	25.170	25.170					
*	Dự án chuyển tiếp					7.294	7.294	3.407	3.407	8.667	8.667	0	0	0	5.260	5.260					
	Ngành/lĩnh vực: Giao thông					7.294	7.294	3.407	3.407	8.667	8.667	0	0	0	5.260	5.260					
1	Lộ kênh Xóm cá (bên sông)	ấp 21, xã Thanh Tân	2.000m x 3m	2024-2025				1.354	1.354	3.102	3.102				1.748	1.748					
2	Lộ đal Sakeo (cầu Thanh Niên - nhà Ông Lũng)	xã Lâm Tân	Lộ 1700m x 3m; 02 Cầu mỗi cầu 10m x 3m	2024-2025				2.053	2.053	3.337	3.337				1.284	1.284					
3	Lộ Liên ấp Kiết Bình-Kiết Thổng	xã Lâm Kiết		2024-2025	3374/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	7.294	7.294			2.228	2.228				2.228	2.228			02 nguồn vốn		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 (tăng (+), giảm (-))			Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT													
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Tăng	Giảm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
																Tổng số		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
*	Các dự án dự kiến khởi công mới năm 2025					0	0	0	0	3.934	3.934	8.338	0	0	12.121	12.121			
	Dự án nhóm C					0	0	0	0	3.934	3.934	8.338	0	0	12.121	12.121			
	Ngành/lĩnh vực: Giao thông					0	0	0	0	3.934	3.934	8.338	0	0	12.121	12.121			
4	Lộ Trung Thống - Tân Định (giai đoạn 2)	xã Tuân Tức	Phản đường chiều dài được 400m rộng 3,5m và 02 cầu trên tuyến rộng 4m	2025						2.624	2.624				2.473	2.473			
5	Cầu kênh ông Thái	xã Lâm Tân	24m x 4m	2025						1.310	1.310				1.310	1.310			
	Lộ Bào Lớn (làm mới nối tiếp lộ nhà 4 Đẹp)	thị trấn Phú Lộc	500m x 3,5m	2025								750			750	750			
	Cầu Kênh Xóm Cá	xã Thạnh Trị	25m x 4m	2025								1.200			1.200	1.200			
	Lộ Hai Vọng - Ba Kiệu	xã Vĩnh Lợi	2.370m x 3,5m	2025								6.388			6.388	6.388			
	Ngành, lĩnh vực: An ninh và trật tự, an toàn xã hội									27.190	16.127	0	0	8.338	7.789	7.789			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 (tăng (+), giảm (-))			Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú				
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Tăng	Giảm		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: NSDP	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP													Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
*	Xây dựng Trụ sở làm việc, nhà ở doanh trại của Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng				32/QĐ-UBND-m, ngày 15/8/2024 của UBND tỉnh Sóc Trăng					27.190	16.127			8.338	7.789	7.789			Đổi ứng 50% kinh phí đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, nhà ở doanh trại của Công an xã, thị trấn trên địa bàn huyện Thạnh Trị theo Thông báo số 1133-TB/TU ngày 02/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Công văn số 2346/CA-T. PH10 ngày 13/11/2024 của Công an Tỉnh (03 nguồn vốn)		
	Nguồn vốn Thu tiền sử dụng đất					0	0	3.000	3.000	31.527	5.400	0	0	0	2.400	2.400					
*	Dự án chuyển tiếp					0	0	3.000	3.000	4.337	4.337	0	0	0	1.337	1.337					
	Ngành/lĩnh vực: Giao thông					0	0	3.000	3.000	4.337	4.337	0	0	0	1.337	1.337					
	Lộ Liên ấp Kiết Bình-Kiết Thông	xã Lâm Kiết	3.100m x 3m; 02 cầu trên tuyến	2024-2025	3374/QĐ-UBND ngày 11/12/2023			3.000	3.000	4.337	4.337				1.337	1.337			02 nguồn vốn		
	Ngành, lĩnh vực: An ninh và trật tự, an toàn xã hội									27.190	1.063	0	0	0	1.063	1.063					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 (tăng (+), giảm (-))			Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT													
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Tăng	Giảm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số		Trong đó: NSDP	
																		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
*	Xây dựng Trụ sở làm việc, nhà ở doanh trại của Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	huyện Thạnh Trị			32/QĐ-UBND-m, ngày 15/8/2024 của UBND tỉnh Sóc Trăng					27.190	1.063				1.063	1.063		Đổi ứng 50% kinh phí đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, nhà ở doanh trại của Công an xã, thị trấn trên địa bàn huyện Thạnh Trị theo Thông báo số 133/TB/TU ngày 02/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Công văn số 2346/CAT-PH10 ngày 13/11/2024 của Công an Tỉnh (03 nguồn vốn)	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

(Kèm theo Nghị quyết số:/NQ-HĐND ngày 28/03/2025 của Hội đồng nhân dân huyện Thạnh Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước			Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách huyện		Ngân sách trung ương	Ngân sách huyện		Ngân sách huyện	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Tổng cộng				55.143,718	50.117,934	5.025,784	344,000	192,000	152,000	13.980,200	3.336,200			
*	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			24.904,000	22.626,767	2.277,233	0,000	0,000	0,000	2.640,000	240,000			
I	Hỗ trợ đất ở			2.464,000	2.240,000	224,000	0,000			396,000	36,000			
II	Hỗ trợ nhà ở			22.440,000	20.386,767	2.053,233	0,000			2.244,000	204,000			
*	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số			30.239,718	27.491,167	2.748,551	344,000	192,000	152,000	11.340,200	3.096,200			
-	Nội dung 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số			30.239,718	27.491,167	2.748,551	344,000	192,000	152,000	11.340,200	3.096,200			
√	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu ở ấp, xã đặc biệt khó khăn			30.239,718	27.491,167	2.748,551	344,000	192,000	152,000	11.340,200	3.096,200			
	Năm 2025			11.685,100	8.436,800	3.248,300	344,000	192,000	152,000	11.340,200	3.096,200			
*	Dự án khởi chuyển tiếp			1.673,100	1.521,000	152,100	344,000	192,000	152,000	1.329,000	0,000			



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước			Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách huyện		Ngân sách trung ương	Ngân sách huyện		Ngân sách huyện	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ động xây dựng cơ bản	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Lộ và cống thoát nước hẻm 12 nối tiếp	thị trấn Phú Lộc	2024-2025	1.673,100	1.521,000	152,100	344,000	192,000	152,000	1.329,000				
*	Dự án khởi công mới			10.012,000	6.915,800	3.096,200	0,000	0,000	0,000	10.011,200	3.096,200			
1	Cầu kênh nhà ông Út Em	xã Châu Hưng	2025	570,000	518,000	52,000				570,000	52,000			
2	Lộ ấp Số 9 (Nhà ông Lưu Văn Giang - nhà ông Thạch Tròn)	thị trấn Hưng Lợi	2025	247,000	224,000	23,000				247,000	23,000			
3	Lộ ấp Xóm Tro 1 (nhà ông Trần Văn Ân - nhà ông Thạch Mừng)	thị trấn Hưng Lợi	2025	3.621,000	3.291,800	329,200				3.620,200	329,200			
4	Lộ ấp Kinh Ngay 1 (Từ nhà Bà Lệ - giáp ấp Kinh Ngay 2)	thị trấn Hưng Lợi	2025	1.890,000	1.718,000	172,000				1.890,000	172,000			
5	Lộ Bình Thới	xã Châu Hưng	2025	3.684,000	1.164,000	2.520,000				3.684,000	2.520,000			

